

MỤC ĐÍCH CỦA SỰ NGHIÊN CỨU SỬ.

Các sử gia thường tự vấn về ngành chuyên môn của mình và đã tìm cách định nghĩa một cách gián lược mục đích của sự nghiên cứu sử. Ví dụ :

— RANKE cho rằng sự nghiên cứu sử có mục đích là « làm cho thấy các sự việc đã xảy ra như thế nào » (*wie es eigentlich gewesen*), hoặc nói một cách khác lập lại quá khứ in hệt như nó đã xảy ra. Châm ngôn này đã khiến nhiều sử gia tránh đưa ra những nhận xét riêng tư về các sự kiện mà họ trình bày và tự giới hạn trong việc cóp nhặt các sự kiện mà thôi : gom góp được tất cả các sự kiện, tìm kiếm được tất cả các tài liệu thích đáng, thăm dò mọi tài liệu có được, là sự thật sẽ xuất hiện.

— MICHELET định nghĩa sự nghiên cứu sử như là « hoàn sinh lại tất cả sự sống » (*résurrection de la vie intégrale*).

— R.G. COLLINGWOOD thì cho là sự nghiên cứu sử cho phép « tái diễn lại kinh nghiệm quá khứ » (*history as re-enactment of past experience*) (1).

Theo các định nghĩa nói trên, chúng ta thấy là các sử gia mà chúng ta lấy làm ví dụ đều đồng ý là sự nghiên cứu sử có mục đích sưu tầm thời gian đã trôi qua, đã mất đi, không còn trở lại; chúng ta có thể nói là, nhờ có sự nghiên cứu sử, ta tìm lại được thời gian, ta hoàn lại cho sự sống một hiện tại đã trở thành quá khứ.

Song sự hiểu biết lịch sử không hoàn toàn là thế; quá khứ làm cho sống lại không phải là lịch sử. Sử không phải là một bức họa tô lại từng khoảnh khắc một sự tiến hóa của nhân loại. Giữa lịch sử thực tại và lịch sử nhận thức bởi sử gia, có một sự khác biệt rõ rệt; giữa lịch sử đã được sống bởi vua Lê-Thánh-Tông chẳng hạn, một vị vua trị vì 31 năm, mỗi năm 365 ngày, mỗi ngày 24 giờ, và một bộ sử ký chép lại lịch sử ấy, có một sự sai biệt lớn rộng, dù cho bộ sử ký chép lại lịch sử ấy đầy đến mấy pho đi nữa.

(1) «For history, the object to be discovered is not the mere event, but the thought expressed in it ... But how does the historian discern the thoughts which he is trying to discover ? There is only one way in which it can be done : by re-thinking them in his own mind... The history of thought, and therefore all history, is the re-enactment of past thought in the historian's own mind. This re-enactment is only accomplished ... so far as the historian brings to bear on the problem all the powers of his own mind and all his knowledge of philosophy and politics. It is not a passive surrender to the spell of another's mind: it is a labor of active and therefore critical thinking. The historian not only re-enacts past thought, he re-enacts it in the context of his own knowledge and therefore, in re-enacting it, criticizes it, forms his own judgment of its value, corrects whatever errors he can discern in it ...» R.G. COLLINGWOOD. *The Idea of History*. Oxford, 1948.

Dưới cái nhìn của sử gia, thời gian sử nhân đã sống là quá khứ đã qua, đã chẵn tròn rồi, không còn trở lại nữa. Và giữa cái khoảng quá khứ mà sử gia nghiên cứu và hiện tại của sử gia còn có khối thời gian ở giữa, khối thời gian làm môi giới. Khối thời gian này cũng không phải là một khoảng trống, mà chứa đựng đầy những biên cố lịch sử. Qua khoảng thời gian môi giới ấy, những biên cố mà sử gia nghiên cứu đã đưa đến những hậu quả cho thấy là các tiềm năng của chúng đã được thể hiện hay không.

Cho nên, sử gia không tự coi là người đồng thời với các biên cố nghiên cứu; trái lại, sử gia giải thích các biên cố với tất cả những hậu quả của chúng mà sử gia có thể biết tới. Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng sử gia nhìn quá khứ với cặp mắt của hiện tại.

Còn có một sự khác biệt về phẩm chất giữa thời gian hiện tại, cái thời gian sống bởi những nhân vật mà sử gia nghiên cứu, và thời gian mà sử gia làm sống trở lại, làm cho trở thành hiện tại lại. Khi thời gian đã trôi qua ấy còn là hiện tại, nó đã được người ta sống như là chúng ta sống số mệnh của chúng ta, tức là trong trạng thái vô định, không biết tương lai sẽ dành cho ta những gì. Trong khi ấy, sử gia làm sống lại quá khứ còn biết những gì sẽ xảy ra nữa sau khoảng quá khứ nghiên cứu. Nghĩa là sử gia biết hơn, hiểu nhiều hơn các nhân vật lịch sử mà sử gia làm sống trở lại.

Sau cùng, làm quá khứ hoàn toàn sống lại là một việc mà không ai có thể thực hiện nổi, chỉ vì một lý do kỹ thuật : sử gia chỉ có thể bắt được hình ảnh của quá khứ qua các sử liệu. Nhưng quá khứ sau khi đã xảy ra, đã vĩnh viễn biến đi mà chỉ để lại những dấu vết ngẫu nhiên mà thôi. Trước hết, mặc dầu số lượng các sử phẩm đầy dẫy, chỉ có một phần nhỏ những gì xảy ra là đã được quan sát. Trong đời sống hằng ngày, ta có thể thấy rõ điều này : chỉ một phần những gì ta đã làm, đã nói hay đã nghĩ là đã được quan sát bởi người khác ; đem nhân những hành động, tư tưởng và lời nói không được quan sát của chúng ta với con số 2 tỷ, là ta có thể có được một sự ước lượng về số lượng những điều xảy ra mà không được quan sát trên thế giới. Và chỉ một phần những gì đã được quan sát là được nhớ lại bởi những người đã quan sát; chỉ một phần những gì được nhớ lại mới đã được ghi chép, chỉ một phần những gì được ghi chép là còn tồn tại ; chỉ một phần những gì còn sót lại là mới được sử gia để ý đến ; chỉ một phần những gì sử gia để ý đến mới là đáng tin ; chỉ một phần những gì đáng tin là mới được giữ lại, và chỉ một phần những gì được giữ lại là mới có thể được trình bày hay tường thuật bởi sử gia. Thành thử, rất thường sử gia không có đủ sử liệu vững chắc và hoàn hảo ; nếu họa may có được thừa thãi sử liệu, sử gia cũng vì tình trạng thừa thãi ấy mà không chê ngự nổi sử liệu.

Louis GOTTSCHALK đã có thể phân biệt giữa lịch sử đã thật sự xảy ra (*history-as-actuality*) và những tài liệu còn tồn tại về những gì đã

xảy ra (*history-as-record*) ; lịch sử chỉ có thể được tường thuật từ lịch sử-được-ghi-lại-trong-tài-liệu, và lịch sử được tường thuật (*spoken-or-written-history*) chỉ là phân phát biểu của sử gia về cái phần được hiểu hay có thể tin được trong phần tìm lại được của lịch-sử-được-ghi-lại-trong-tài-liệu. Không có gì bảo đảm cho ta là cái gì còn lại là quan trọng nhất, đầy đủ nhất, đáng giá nhất, hay tiêu biểu nhất. Nói một cách khác, đôi tượng mà sử gia nghiên cứu không những thiếu sót, mà còn thay đổi tùy theo tài liệu đã bị mất hay đã được tìm lại.

Chính vì thế mà V.H. GALBRAITH đã có thể nói rằng : «Lịch sử là dĩ vãng theo trình độ hiểu biết mà ta có thể có về dĩ vãng ấy». Nhưng nói như thế cũng vẫn chưa đạt được một sự định nghĩa đầy đủ, vì sự nghiên cứu sử xứng đáng với danh hiệu ấy không đi nhanh hết tất cả những gì có thể nhặt nhanh được trong các tài liệu làm chứng cho một khoảng thời gian của quá khứ. Sự nghiên cứu sử là một sự lựa chọn, mà người nghiên cứu đã muôn có, đã định hướng theo các tiêu chuẩn riêng của mình. Tính chất này đưa đến sự khác biệt giữa một quyển biên niên sử và một quyển sử ký ; trong một quyển biên niên sử, các sự kiện được chép lại một cách hỗn tạp, mà không phân biệt giữa các biên cô. Vì thiếu thê lùi, nhà biên niên sử không có đủ tầm con mắt để lựa chọn giữa những biên cô quan trọng, giàu ý nghĩa, và những sự kiện nhỏ nhất, không có ảnh hưởng đối với sự diễn biến lịch sử, không đáng được giữ lại. Như thế, nhà biên niên sử chỉ thuật lại một mớ biên cô hỗn độn mà không làm sống lại các biên cô ấy, không suy nghĩ lại các biên cô ấy. Ngược lại, quyển sử ký đưa đến một cái nhìn về quá khứ, kết quả của một sự phân tích ; người viết sử cho thấy sự liên hệ giữa các biên cô đã xảy ra, và lựa chọn trong vô số những sự kiện có được những sự kiện có ý nghĩa nhất đối với mình.

Một nhân vật, một biên cô, một khía cạnh đặc biệt nào đó của quá khứ chỉ thuộc về lịch sử nếu người nghiên cứu sử cho là thế, cho là đáng ghi nhớ, vì *đối với sử gia* chúng là quan trọng, chúng đáng được biết, chúng đáng được chú trọng đến.

Sự nghiên cứu sử có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau ; sự phân biệt cổ điển là sự phân biệt thành 4 loại, nghiên cứu theo diễn tiến thời gian, nghiên cứu theo khu vực địa lý, nghiên cứu theo một khung cảnh chính trị, nghiên cứu tiểu sử của những nhân vật lịch sử.

1 — Nghiên cứu sử theo diễn tiến thời gian.

Đây là hình thức đơn giản và quen thuộc nhất của sự nghiên cứu sử. Để có một trật tự cần thiết, người ta phân chia thời gian lịch sử thành 4 thời đại lớn :

— Thời Thượng-cổ, bắt đầu với cổ Ai-cập, Hy-lạp và La-mã, và chấm dứt với sự sụp đổ của đế-quốc La-mã khoảng cuối thế-kỷ thứ IV, đầu thế kỷ thứ V.

— Thời Trung-cổ, khởi đầu với sự phân chia đế quốc La-mã Tây-

phương giữa các giống dân Đức-man và chấm dứt khoảng cuối thế kỷ thứ XV.

— Thời Cận-kim, khởi đầu với các cuộc khám phá hàng hải trọng đại thực hiện bởi các thủy thủ Bồ-đào-nha và Tây-ban-nha, và chấm dứt với các cuộc cách mạng bùng nổ trên các bờ Đại-tây-dương : cách mạng Hoa-kỳ (1774-1783), cách mạng Genève (1766-1781), Cách mạng Hòa-lan (1783-1787), cách mạng Bỉ (1787-1790), cách mạng Pháp (1789-1799).

— Thời Hiện-đại, khởi đầu từ đầu thế kỷ thứ XIX.

Sự phân chia lịch sử thành 4 thời đại nói trên có-tính chất gò ép, độc đoán phần nào. Trước hết, không có được một khái niệm cổ điển, cận đại, hiện đại chính xác và được sự đồng ý của mọi người : theo quan niệm sử học mác-xít, thời kỳ cận đại phải đến năm 1640 mới mở đầu với cuộc cách mạng tư sản Anh và kéo dài mãi đến trước cách mạng tháng 10 năm 1917 ở Nga. Sau nữa, sự phân định thời kỳ lịch sử nói trên chỉ có thể được áp dụng cho lịch sử Tây-phương Âu-châu, chứ không thể cho tất cả lịch sử. Vì lịch trình diễn tiến của Á-Châu không tương tự với lịch trình diễn tiến của Âu-châu, đã không có một sự phù hợp về niên đại giữa hai lịch sử này. Với sử Nhật-bản, nếu có thể nói đến một thời Trung-cổ, thì thời đại này chấm dứt từ đầu thế kỷ thứ XV, chứ không đợi cho đến cuối thế kỷ. Với sử Việt-Nam, đã không có một ranh giới xác định giữa thời cổ-sử và thời trung-cổ ; mặt khác, ta cũng không thể coi niên đại 1802 như là lúc mà thời hiện sử Việt-Nam bắt đầu, vì vua Gia-Long khi thiết lập triều Nguyễn đã không thay đổi chút nào nếp sống cũ của dân Việt, cũng như đã không sửa đổi các thể chế cũ. Phải đợi đến khi người Pháp xâm chiếm Việt-Nam, nghĩa là từ giữa thế kỷ thứ XIX trở đi, mới có những sự thay đổi lớn lao.

2 — Nghiên cứu lịch sử theo khu vực địa lý.

Tổ chức lịch sử theo khu vực địa lý cũng có một tính chất đơn giản hấp dẫn bằng sự tổ chức lịch sử theo thời đại : các sử gia của thế kỷ thứ XIX quan niệm lịch sử như chỉ quan hệ đến thế giới Âu-châu, nghĩa là Âu-châu, địa bốn Địa-trung-hải và Mỹ-châu. Thỉnh thoảng mới được đề cập đến Đông-phương và Phi-châu; Á -châu và Phi-châu được coi như là những vật phụ gia Âu-châu. Mãi gần đây các sử gia mới từ bỏ cái quan niệm chú trọng đến lịch sử Âu-châu ấy (gọi là *eurocentrisme*) và chấp nhận là các phần đất khác của trái đất cũng quan trọng không kém phần Âu-châu (1).

Tuy nhiên, truyền thống tổ chức lịch sử theo khu vực địa lý cũng hợp lý một phần nào : các dân tộc có những lịch sử lẫn lộn với nhau, nhưng bối cảnh địa lý đã ảnh hưởng một phần nào trên dòng lịch sử, cho

(1) Xem những nhận xét của Jean CHESNEAUX về sự diễn biến lịch sử Á châu : *Rythmes et ressorts de l'évolution historique*, trong *L'Asie orientale aux XIXe et XX siècles*. Paris, P.U.F., 1966.

Trái lại, như Raymond ARON đã viết, không có sẵn một thực tại lịch sử trước sự nghiên cứu, để người viết sử chỉ cần mô phỏng theo một cách sát sao là đủ. Nhưng sự hiểu biết lịch sử là kết quả của công lao của sử gia, đã tìm ra mối liên hệ giữa quá khứ nghiên cứu và hiện tại của sử gia.

Sự hoạt động của sử gia được nhìn nhận như là một sự khảo cứu, tìm tòi. Nó chỉ có thể được thực hiện với sự sử dụng các tài liệu, tức là mọi vết tích, bút ký hay hữu thể, để lại bởi các con người đã sống trên thế gian. Nhưng đối với sử gia, các tài liệu này là phương tiện, chứ không phải là cứu cánh. Đứng trước các tài liệu, sử gia không thể có một thái độ thụ động. Sự nghiên cứu vượt quá phạm vi sưu tầm các tài liệu, để nhắm đến sự hiểu biết một quá khứ không thể nào làm sống lại ; nhưng ít nhất sử gia muốn có một hình ảnh của quá khứ và muốn rằng hình ảnh này càng gần với thực tại càng tốt. Các chi tiết cung cấp bởi các tài liệu cho phép lập nên hình ảnh ấy. Tất nhiên là nó không thể đầy đủ vì trong số các biên cô đông đảo của quá khứ, chỉ có một phần rất nhỏ là đạt tới thời đại của chúng ta, qua các tài liệu chúng ta có được ; tuy nhiên, phần nhỏ này lại thường vượt quá tầm hiểu biết của sử gia. Hình ảnh mà sử gia muốn lập nên về quá khứ không thể nào tái lập lại tính chất phức tạp của thực tại ngày xưa.

Nhưng hình ảnh của quá khứ mà sử gia tạo nên dần dần ấy là một sự tổ chức, một sự bố trí. Nó có giới hạn, do sự lựa chọn thực hiện bởi một trí óc, trong số những dữ kiện cung hiến bởi tài liệu. Sự lựa chọn này được quyết định bởi mục đích theo đuổi, mục đích mà nhà khảo cứu chấp nhận sau một sự tìm hiểu sơ lược về một giai đoạn nào đó, tại một nơi nào đó. Một khi đã thực hiện sự lựa chọn, còn phải sắp xếp các chi tiết tích lũy được. Sự sắp xếp này đưa đến một sự tường thuật không phải chỉ là một sự liệt kê đơn giản các sự kiện như nhiều người tưởng. Sự tường thuật phải theo một phương pháp luận lý, vì sử học tìm hiểu quan hệ, sự sinh thành và nghĩa lý của các biên cô mà nó tường thuật. Chỉ có thế nó mới có thể cung cấp câu trả lời cho những câu hỏi đã đưa đến sự tạo thành tri thức lịch sử.

Theo V.H. GALBRAITH, lịch sử là quá khứ theo giới hạn hiểu biết của chúng ta (« History, I suppose, is the past — so far as we know it »). Lịch sử là những gì của quá khứ mà sử gia đã nắm được qua sự nghiên cứu. Nhưng, qua các phương pháp nghiên cứu của sử gia, quá khứ đã được tái lập, đã được sửa sang đến nỗi trở thành đối mới.

Sử gia không bước bước đầu bằng cách tìm tài liệu : phương pháp sử học không phải là cái máy để sử gia biên đổi tài liệu thành kiến thức lịch sử. Sự nghiên cứu bắt đầu bằng một sáng kiến của sử gia : sử gia đặt một vấn đề, một câu hỏi cho một lãnh vực nào đó của quá khứ. Sự hiểu biết lịch sử sẽ là sự trả lời cho câu hỏi mà sử gia đã đặt ; chính những câu hỏi của sử gia đã làm cho quá khứ phải lộ chân tướng. Sự nghiên

cứu sử được khởi đầu không phải vì có tài liệu, nhưng vì có một chủ đề đã được lựa chọn và xác định.

Với quan niệm hẹp hòi về sử học, cho rằng sự nghiên cứu sử chỉ giới hạn trong phạm vi các biến cố chính trị và quân sự, chương trình làm việc của sử gia được sắp đặt sẵn, và luôn chọn đề tài nghiên cứu, sử gia chỉ cần lựa chọn một khoảng thời gian trong quá khứ là đủ. Nhưng ngày nay có một quan niệm khác về sử học, một quan niệm sâu rộng hơn; ngay cả những khi sử gia nghiên cứu một đề tài giới hạn trong những niên đại rõ rệt, sử gia chọn đề tài ấy là vì trong giai đoạn lựa chọn có những vấn đề nhân văn quan trọng, có ý nghĩa. Chính vì vậy mà từ cuối thế kỷ thứ XIX, lord Acton đã có thể khuyên sinh viên của ông tại Đại học Cambridge là: «nên nghiên cứu các vấn đề, chứ đừng nên nghiên cứu các thời đại». Với Lucien Fèbvre, «đặt vấn đề, chính là sự khởi đầu và sự kết thúc của mọi sự khảo cứu lịch sử. Không có vấn đề, là không có lịch sử, mà chỉ có những sự kể chuyện, những sự sưu tập...». Fèbvre coi sự nghiên cứu sử như là một sự khảo cứu được thực hiện một cách khoa học, và thành ngữ này, theo ông, bao gồm «hai động tác căn bản của mọi công trình khoa học tân tiến: đặt vấn đề và nêu giả thuyết».

Như thế, khi sử gia bắt đầu nghiên cứu một thời đại hay một bối cảnh lịch sử, sử gia không có một chương trình làm việc phác họa sẵn. Trái lại, sử gia tự tìm lấy chương trình ấy, bằng cách đặt những câu hỏi, những vấn đề. Những câu hỏi này cũng đưa đến những câu trả lời tạm bợ, vì khi trí óc nêu ra một vấn đề nào đó, nó cũng nghĩ ngay đến một hay nhiều giải đáp có thể có. Ngay từ lúc đầu, sử gia đã tạo nên một hình ảnh tạm bợ của quá khứ. Sử gia có thể biết một cách đại khái những tư tưởng, những hành vi, những phản ứng có thể gán cho các nhân vật của một thời đại hay một hoàn cảnh nào đó. Căn cứ vào trạng thái tương tự với một tình trạng nhân văn đã biết được ấy, sử gia phác họa một hình ảnh tạm bợ của quá khứ.

Thế nhưng, một giả thuyết luôn có giá trị phải được chứng minh bằng những bằng cứ, nghĩa là bằng những sử liệu. Sử gia đối thoại với các sử liệu, và từ sự đối thoại này, trí óc của sử gia lựa chọn một cách chính xác các tài liệu có ý nghĩa và có liên hệ với nhau, và đồng thời gạn lọc các câu hỏi cần đặt với các tài liệu. Rất thường, khi tiếp xúc với sử liệu, sử gia có thể thấy là mình đã đặt câu hỏi một cách sai lầm. Dần dần, nhờ hiểu biết sử liệu nhiều hơn, sử gia sẽ đặt lại các câu hỏi của mình, sẽ sửa đổi các câu hỏi đến nỗi mà hướng đi của sự nghiên cứu có thể khác biệt hẳn với hướng đi đầu tiên. Chính sự tiếp xúc với tài liệu cung hiến hiểu biết mới cho trí óc của sử gia, cho phép sử gia nhìn vấn đề một cách tinh tế hơn. Việc đặt lại các câu hỏi với tài liệu, và việc tìm câu trả lời nơi các tài liệu sẽ tiếp tục cho đến khi nào sử gia nghĩ rằng mình đã đặt đủ các câu hỏi thông minh nhất, và đạt được những sự trả lời đầy đủ nhất.

Mỗi thời đại, mỗi hoàn cảnh lịch sử nêu lên rất nhiều vấn đề. Các câu hỏi mà sử gia có thể đặt nhiều vô hạn, cũng như sự nghiên cứu quá khứ vô tận. Nhưng sự hiểu biết một thời đại, một bối cảnh nhân văn của quá khứ phụ thuộc vấn đề mà sử gia lựa chọn để nghiên cứu. Và sự lựa chọn vấn đề để nghiên cứu lại phụ thuộc trực tiếp với trình độ kiến thức của sử gia. Kết quả của sự nghiên cứu có phong phú là nhờ ở khả năng của sử gia khi đặt các câu hỏi lập điều kiện cho hướng đi của công cuộc nghiên cứu. Sử gia lỗi lạc là người biết đặt vấn đề lịch sử một cách hữu ích, một cách phong phú nhất, là người hiểu những câu hỏi nào đặt cho quá khứ sẽ có lợi. Giá trị nhân bản của sử học, cũng như tính hữu hiệu của nó, phụ thuộc rất nhiều ở khả năng của sử gia, vì, như H.I. Marrou lặp lại lời nói của Pascal : «người ta càng tài tình thì người ta lại càng thấy là có lắm người kỳ diệu».

